

## NHẤT THỂ HÓA VĂN HÓA VÀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

Trịnh Minh Thái \*

*Con người thường xuyên tự đồng nhất mình với nhóm, với tộc người, với dân tộc, với chủng tộc, với loài người. Đó là nguyên nhân làm nảy sinh vấn đề về những nghịch lý của tính nhất thể văn hóa. Nhất thể hóa văn hóa là sự tự cảm nhận của con người ở bên trong một nền văn hóa cụ thể và liên quan chặt chẽ với “sắc tộc” nhất định. Khái niệm “sắc tộc” trước hết phản ánh quan niệm về sự đặc thù văn hóa xã hội của nhóm sắc tộc. Thông qua việc phân tích một loạt quan niệm về vấn đề này của các nhà triết học, xã hội học nổi tiếng: F.Bacon, S.Freud, E.Fromm, H.Abramson, A.Fargie... tác giả bài viết đi đến nhận định rằng, việc hoạch định một chính sách hợp lý để làm cho mọi người vừa giữ lại văn hóa truyền thống, vừa đón nhận những thành tựu của văn hóa hiện đại là một vấn đề cần được quan tâm thỏa đáng*

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, mỗi dân tộc đều có nhiệm vụ quan trọng là bảo vệ bản sắc văn hóa riêng của mình, song cũng cần phải tiếp thu những thành tựu của các nền văn hóa khác nhằm làm phong phú thêm văn hóa dân tộc của mình. Toàn cầu hóa dường như đang biến loài người thành một thể thống nhất về nhiều phương diện, trong đó có văn hóa. Song, nhà nước dân tộc cần có “phản ứng” thích hợp trong vấn đề dân tộc, vì vậy việc tìm hiểu xu hướng nhất thể hóa văn hóa là một việc làm cần thiết để chúng ta có thể hoạch định một chiến lược thích hợp về vấn đề dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa. Đây cũng chính là mục đích của bài viết này.

Trước khi đề cập đến vấn đề nhất thể hóa văn hóa, cần hiểu một cách khái quát “nhất thể hóa” và “nhất thể hóa văn hóa” là gì. Nhất thể hóa (identificare) có nghĩa đen là đồng nhất mình với ai đó, với cái gì đó. Đây là quá trình tự đồng nhất về mặt cảm

xúc và nhận thức của cá nhân với chủ thể khác, với nhóm, với khuôn mẫu. Quá trình này cho phép đem lại hình thức cá nhân chấp nhận được cho những yêu cầu “siêu cá nhân”, xã hội của môi trường bên ngoài. Nhờ đó, những yêu cầu này có được đặc điểm đứng trên chủ thể và được chủ thể trải nghiệm như là những đặc điểm riêng của mình. Đây là phương thức cá nhân tham gia vào chính thể xã hội. Vốn là một trong các cơ chế xã hội hóa, nhất thể hóa cho phép chủ thể tiếp cận với thế giới để lựa chọn được một lối ứng xử nhất định. Cá nhân không những tự giác quyết định lối ứng xử của mình một cách phù hợp hay không phù hợp với khuôn mẫu xã hội mà còn cảm nhận thấy thỏa mãn với hành vi phù hợp với những yêu cầu của nền văn hóa hiện tồn. Nhất thể hóa có thể diễn ra đối với nhiều khách thể và lĩnh vực (nhất thể hóa nhân cách, nhất thể hóa giới tính, nhất thể hóa dân tộc, nhất thể hóa giai cấp, nhất thể hóa với nhóm, nhất thể hóa với chủ thể riêng biệt, v.v.) và được thực hiện dưới hình thức

\* ThS. Học viện chính trị-Hành chính Quốc gia. NCS. Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội

tự giác hay vô thức. Thuật ngữ “nhất thể hóa” được S.Freud sử dụng để biểu thị quan niệm của cá nhân về tính đồng nhất, tính có can hệ của mình với nhóm xã hội (dân tộc, chính trị, v.v.). Nhất thể hóa là phương tiện để cá nhân ý thức về địa vị xã hội và sự thích nghi của mình với hệ thống xã hội và hệ thống chính trị. Nhất thể hóa hợp nhất sự tự đánh giá, ý thức của cá nhân về cội nguồn nhóm và khát vọng duy trì hình ảnh tích cực về nhóm của mình. Nhất thể hóa là kết quả xã hội hóa và được hình thành cùng với quá trình nhận thức được học vấn và nghề nghiệp của cá nhân, xuất hiện các cảm giác liên tưởng và những giá trị đảm bảo sự thống nhất của cá nhân với một nhóm xã hội nào đó.

Như đã nói, nhất thể hóa văn hóa gắn liền với sự tồn tại của các nền văn hóa dân tộc trong điều kiện toàn cầu hóa, các quá trình liên kết (tích hợp), hình thành một thị trường thế giới thống nhất, lưu thông tự do của hàng hóa, tư bản và phổ biến thông tin. Các nhà lý luận thường đề tới sự ra đời của con người mới về chất và một hình thức cộng đồng toàn cầu – “siêu xã hội”, “siêu văn hóa”, “siêu dân tộc” - trong tương lai không xa. Song, toàn cầu hóa không có khả năng sinh ra con người mới, tức con người nằm ngoài một dân tộc nhất định, và nền văn minh chủ đạo, cũng như các dân tộc lớn. Sự liên kết (tích hợp, hợp nhất) các nền văn hóa đòi hỏi phải có sự hiểu biết lẫn nhau của những người được giáo dục trong điều kiện các nền văn hóa khác nhau. Chính vì vậy, sự hợp nhất văn hóa, tức sự hình thành một nền văn hóa thống nhất (thế giới) và, thậm chí, sự hòa hợp các dân tộc thành một “siêu dân tộc” toàn cầu hay một “siêu xã hội” toàn cầu, là rất đáng nghi ngờ.

Mặc dù toàn cầu hóa quy định sự tiếp biến và sự làm phong phú lẫn nhau giữa các nền văn hóa dân tộc, song nó không loại trừ và không thể loại trừ tính đa dạng văn hóa, tức không thể nhất thể hóa chúng dựa trên một hệ chuẩn văn hóa xã hội nhất định. Tình cảm dân tộc, khát vọng bảo vệ bản sắc dân tộc bắt nguồn sâu xa trong ý thức của mỗi dân tộc. Thêm vào đó, tâm tính của các dân tộc và văn hóa của họ chủ yếu được quy định bởi tính phi đối xứng về chức năng của não bộ. Với toàn bộ sự thống nhất của loài người, của những giá trị văn hóa và những định hướng chung, vẫn có những tiền đề căn bản để bảo vệ tính độc đáo, tính nhất thể của các nền văn hóa dân tộc.

Có thể nói, *nhất thể hóa là nhu cầu sâu xa của con người*. E.Fromm đã đưa ra một sự phân loại thỏa đáng về những nhu cầu của con người. Ông coi nhu cầu thứ nhất của con người là nhu cầu giao tiếp, quan hệ giữa các cá nhân với nhau. Con người biệt lập, bị tách ra khỏi xã hội, sẽ đánh mất những thói quen xã hội, những chuẩn mực văn hóa. Thiếu thông tin đại chúng cho phép con người thực hiện được nhu cầu thứ hai của mình. E.Fromm gọi nó là nhu cầu sáng tạo.

Thích nghi một cách thụ động đặc trưng cho động vật, con người cố gắng cải tạo thế giới. Hành vi sáng tạo bao giờ cũng là sự giải phóng và khắc phục. Nó là sự thể nghiệm sức mạnh. Sáng tạo không tách rời tự do. Chỉ con người tự do mới có thể sáng tạo. Nghệ thuật, sáng tạo nghệ thuật làm sáng tỏ tốt nhất bản chất của hành vi sáng tạo. Nghệ thuật chủ yếu là lĩnh vực sáng tạo. Bất kỳ một hành vi sáng tạo nghệ thuật nào cũng là sự cải biến một phần cuộc sống. Một thể giới khác được phát hiện ra trong quan hệ sáng

tạo nghệ thuật với thế giới. Nhưng, bi kịch sáng tạo cũng thể hiện rõ ở đây. Nó thể hiện ở sự không phù hợp giữa chủ ý và sự hoàn thành chủ ý ấy. Các nghệ sĩ vĩ đại có một năng lực sáng tạo khổng lồ, nhưng nó không bao giờ được hiện thực hóa đầy đủ ở trong những tạo phẩm của họ.

Cá nhân không thể vượt lên trên tính chất tầm thường của cuộc sống hàng ngày mà thiếu thái độ sẵn sàng hướng tới cái cao cả, cảm hứng lãng mạn. Theo E.Fromm, nhu cầu này có điều kiện là sự hiện diện những tiềm năng sáng tạo ở trong mỗi cá nhân, đặc biệt là trí tưởng tượng, cảm xúc. Trong hành vi sáng tạo, cá nhân hợp nhất bản thân mình với thế giới, phá vỡ khuôn khổ tồn tại thụ động của mình, bước vào vương quốc tự do. Con người chỉ có thể cảm nhận thấy bản thân mình thực sự là Người trong vương quốc tự do.

Việc tổ chức những mối quan hệ giữa các cá nhân với nhau, việc hiện thực hóa những tiềm năng sáng tạo là không thể thiếu nhu cầu thứ ba của con người – nhu cầu cảm nhận những cội nguồn sâu xa. Mỗi một người đều cố gắng ý thức mình là một khâu trong tiến trình ổn định của loài Người. E.Fromm xác định các mối quan hệ như vậy là các quan hệ mang tính khởi thủy, vững chắc về mặt tâm lý.

E.Fromm gọi nhu cầu thứ tư của con người là khát vọng nhận thức, nắm bắt thế giới. Một trong những khát vọng lớn nhất của con người là khát vọng nhận biết lôgic của thế giới chung quanh, đáp ứng khát vọng thấu hiểu mục đích của vũ trụ. Động vật cũng có những thói quen thực tế nhất định. Con sói “suy ngẫm” cần phải đón đầu con thỏ và

bắt sống con thỏ như thế nào ở một điểm xác định. Nhưng, “tri thức” này vẫn chỉ là một “khám phá” ngẫu nhiên. Nó không được làm cho trở nên phong phú hơn nhờ những khám phá khác, những quan niệm khác nhau không trở thành một hệ thống toàn vẹn.

Cuối cùng, nhu cầu thứ năm của con người cũng là một trong những nhu cầu cơ bản của nó. Đó là khát vọng bất chước, tìm kiếm khách thể sùng bái. Bị quăng vào thế giới những sự vật và hiện tượng bí ẩn, cá nhân đơn giản không thể có khả năng tự mình nhận thức được ý nghĩa và mục đích của tồn tại chung quanh. Cá nhân cần đến một hệ thống định hướng cho phép nó tự đồng nhất mình một cách có luận cứ. Chính văn hóa đem lại định hướng như vậy cho cá nhân. Đó chính là lý do làm cho vấn đề nhất thể văn hóa đóng một vai trò quan trọng trong văn hóa học.

*Vậy cơ chế nhất thể hóa văn hóa là gì?*  
Lần đầu tiên, cơ chế nhất thể hóa văn hóa đã được vạch ra trong quan điểm phân tâm học của S.Freud. Quan điểm này xuất hiện dựa trên cơ sở quan sát tâm lý học bệnh học, sau đó, nó được phổ biến vào đời sống tinh thần bình thường. S.Freud xem nhất thể hóa là thử nghiệm của đứa trẻ (hay của người yếu đuối) nhằm noi theo sức mạnh của người cha, của người mẹ (hay của thủ lĩnh) và, qua đó, làm giảm bớt cảm giác sợ hãi đối với thế giới chung quanh nó.

Những công trình nghiên cứu của các nhà khoa học hiện đại, trước hết là của các nhà tâm lý học, cho phép mở rộng đáng kể quan niệm về cơ chế như vậy. Thế giới những cảm xúc của con người là vô cùng phức tạp. Cơ sở của những trạng thái cảm

xúc, như tình yêu, âu yếm, đồng cảm, đau khổ, trách nhiệm, là một cái tất yếu đòi hỏi không những phải có cái nhìn về bản thân mà còn phải có cả cái nhìn về tha nhân. Và lại, những cảm xúc này là “mở cửa”, “định hướng” vào khách thể khác. Do vậy, nhu cầu sâu xa của con người là thường xuyên nhìn thấy trước mặt mình những khuôn mẫu được nhân cách hóa nào đó cho phép con người có thể tự đồng nhất mình với chúng.

Tất nhiên, trước hết, con người tìm kiếm những khuôn mẫu ấy ở trong thế giới chung quanh. Nhưng, thế giới chung quanh rất quen thuộc và thường đơn điệu. Một vấn đề khác là màn ảnh. Một hình tượng bất bình thường, đôi khi là kỳ lạ, được sáng tạo ra ở đây. Hình tượng này cho phép con người biểu thị những quan niệm riêng của mình về tính giản dị, âu yếm, những tình cảm sâu xa. Hình tượng biểu thị một cách rất thuyết phục việc quay trở lại với tính giản dị.

Khát vọng nhận thức bản thân mình của con người cũng thể hiện ngay ở thời thơ ấu. Rốt cuộc, tất cả mọi thử nghiệm nhằm tìm thấy phẩm chất đặc thù người ở trong bản thân mình hay sự tự đánh giá về bản thân phản ánh tác động của cơ chế nhất thể hóa. Song, nhận thức đầy đủ về mình là sứ mệnh của một số người được chọn. Thực ra, chỉ có thể hình dung ra được một cá nhân như vậy về mặt lý luận thuần túy. Đây là cá nhân thâm nhập được vào hạt nhân trong tính chủ quan của bản thân, nhận thức được bản thân, tạo ra được hình ảnh nội tại bền vững về cá tính của mình và có thể lãng quên sự tự nhận thức.

Con người thường xuyên là một thực thể đau khổ, thường xuyên thay đổi những quan

niệm riêng của mình về bản thân mình. Cá nhân có thể sống trong thế giới những động cơ, những khát vọng và những hy vọng căng thẳng và mâu thuẫn. Con người luôn cần đến một điểm tựa tinh thần. Con người cần phải so sánh lối ứng xử của mình với hình tượng đã được nhân cách hóa. Những em bé gái chơi trò chơi làm mẹ. Đây là nghi lễ bất biến, thường xuyên được tái hiện của trò chơi. Lý tưởng của nhiều thanh niên được nhân cách hóa thông qua hình tượng của J.Lenon. Quan chức nhà nước cố gắng bắt chước vị đứng đầu nhà nước... Con người cố gắng biểu thị mình một cách trung gian, thông qua hệ thống những lễ nghi, những khuôn mẫu, hình hình mẫu có sẵn.

Đương nhiên, nhu cầu tìm kiếm và sáng tạo ra thần tượng cho bản thân không phải chỉ xuất hiện ở thời hiện đại. Cơ sở của nhân cách hóa không những là thể xác, diện mạo bên ngoài mà còn là loại hình tâm lý của cá nhân. Ví dụ, có tác giả phát hiện ra loại người “sống ở lều” giữa đô thị và nông thôn, coi nếp sinh hoạt dễ dãi là chuẩn mực sống, cảnh chen chúc và những cuộc cãi cọ thường xuyên với hàng xóm là quy tắc quan hệ giữa người với người. Chúng ta còn có thể phát hiện ra những kiểu người đa dạng. Nhưng, đầu sao, một vấn đề vẫn nảy sinh là: Tại sao hình tượng không giống với nguyên mẫu của mình? Quá trình tha hóa bản chất khỏi cái hiện ra trên màn ảnh diễn ra như thế nào? Tại sao bỗng dưng một người cụ thể trên màn ảnh bỗng dưng lại gây ra sự kích thích đến đám đông, còn người khác thì hoàn toàn không?

Có một mối liên hệ xác định giữa những vấn đề trừu tượng của nhân học triết học, những hiện tượng kỳ quặc của bản tính con

người và những bí ẩn của trực giác. Ví dụ, tại sao con người lại kiên trì gán ép “diện mạo” được nhân cách hóa cho mọi người? Tại sao con người lại gán ghép những phẩm chất người cho vạn vật? Câu trả lời chung nhất là: ý thức con người mang tính nhân hình hóa (anthropomorphiser). Ngay từ đầu, quá trình nhận thức của con người đã thấm nhuần năng lực đánh giá hiện thực theo các thước đo đã hình thành, có quan hệ với thế giới của người ấy. Ví dụ, quá trình nhân hình hóa vũ trụ một cách vô thức đã diễn ra như vậy.

Tất nhiên, con người, về nguyên tắc, có thể hiểu cái gì diễn ra trong tâm lý của mình, rằng trong ý thức của nó có một xung lượng bẩm sinh. Thậm chí, con người còn có thể đặt ra nhiệm vụ khắc phục thuyết nhân hình hóa. Nhà triết học người Anh là F.Bacon đã đặt ra vấn đề như vậy. Ông đã nắm bắt được nhiều vấn đề mà, sau này, sẽ được làm sáng tỏ nhờ nghiên cứu các quá trình tư tưởng của quần chúng. Được nhà triết học này phác họa, ở một mức độ nhất định, bức tranh toàn diện về những xung đột nội tại của ý thức đã động chạm tới cả một tổ hợp những vấn đề tâm lý học và, thậm chí, những vấn đề xã hội học của nhận thức và giao tiếp. Chỉ ra những khả năng to lớn của lý tính, F.Bacon là người đầu tiên trong triết học phương Tây đã lưu ý tới những trở ngại của giao tiếp, tới hoạt động đầy mâu thuẫn của ý thức, đến khả năng mắc sai lầm của ý thức do tuân theo những lược đồ sai lầm.

Hơn nữa, F.Bacon đã phát hiện ra một số ngẫu tượng (idola) của ý thức, tức các đặc điểm cản trở hoạt động phân tích của trí tuệ. Một trong các ngẫu tượng là thiên hướng đánh giá tất cả mọi thứ theo thước đo của

con người. Theo ông, những ngẫu tượng và những khái niệm giả dối đã cầm tù lý tính con người và đã ăn sâu trong nó, đã chi phối trí tuệ con người tới mức cản trở chân lý đi vào ý thức. Thậm chí, cả khi lối vào đã được mở ra, chúng vẫn cản trở việc cách tân các khoa học và sẽ còn tiếp tục cản trở, nếu con người không được trang bị để chống lại chúng. Con người thực sự có khả năng ý thức, nhưng trí tuệ của nó bị nhiễm phải những thiên kiến.

Dẫu sao, ý thức con người vẫn mang tính nhân hình hóa. Tự nhiên, vũ trụ, hiện thực xã hội được con người xem xét thông qua một tâm thế nhất định: Con người tự đặt mình vào trung tâm của vũ trụ. Mọi hiện tượng của thế giới đều được con người lĩnh hội từ góc độ kinh nghiệm và những giá trị của mình. Những chuẩn mực đó của tư duy thể hiện ra trong các mô hình triết học tư biện Cổ đại, trong các hệ thống siêu hình học Trung cổ, trong một số học thuyết triết học Cận đại. Con người thường xuyên tự đồng nhất mình với nhóm, với tộc người, với dân tộc, với chủng tộc, với loài người. Đó là nguyên nhân làm nảy sinh vấn đề về những nghịch lý của tính nhất thể văn hóa.

Bàn về nhất thể hóa văn hóa, chúng ta cần nói đến *tính nhất thể sắc tộc*. Nhất thể hóa văn hóa là sự tự cảm nhận của con người ở bên trong một nền văn hóa cụ thể. Rốt cuộc, những hình thức kỳ thị chủng tộc, sắc tộc, tôn giáo, v.v. đều bắt nguồn từ nhu cầu tiến hóa của cá nhân dưới các hình thức nhất thể hóa nhóm. Sau khi đã đạt tới một sự cố kết nhất định, các nhóm có khả năng sinh sống tốt hơn các nhóm không có khả năng đạt tới sự cố kết như vậy. Tất cả mọi xã hội đều có “lĩnh vực tâm lý” (A.Toffler). Lĩnh vực này bao gồm những tư tưởng, bắt đầu

từ sự thống nhất và nhất thể hóa. Như vậy, các tư tưởng “thống nhất” và hành vi đồng nhất hóa với người khác là một trong những rường cột trong mọi cấu trúc của con người.

Các làn sóng cải biến hệ chuẩn trong lịch sử luôn làm thay đổi tính nhất thể văn hóa nhóm của cá nhân. Ví dụ, trong suốt 10 nghìn năm thống trị của nền nông nghiệp trên hành tinh, cá nhân đã bị nhất thể hóa với gia đình, thị tộc, làng, các nhóm “đồng hóa” cá nhân ngay từ thời điểm ra đời của cá nhân. Cá nhân ra đời với tư cách là thành viên của gia đình và của nhóm chủng tộc. Nó sống cả cuộc đời ở làng mà nó đã ra đời. Tôn giáo đã được cha mẹ và cộng đồng địa phương định trước cho nó. Như vậy, những sự ràng buộc cơ bản về văn hóa nhóm và cá nhân đã được xác định từ thời điểm ra đời của cá nhân. Tính nhất thể nhóm của con người thường ổn định trong suốt cuộc đời của nó.

Nhu cầu sâu xa về nhất thể hóa văn hóa của con người được giữ lại cả sau cuộc cách mạng công nghiệp, nhưng bản chất nhóm và cá nhân của nó đã thay đổi đáng kể. Từ nay, cá nhân được khích lệ, vì nó đã tự nhất thể hóa mình với dân tộc, chứ không phải với làng. ý thức giai cấp cũng trở thành một hình thức nữa của nhất thể hóa và của hệ thống những ưu tiên văn hóa. Phân công lao động đã sinh ra các nhóm văn hóa hoàn toàn mới. Một bình diện mới của tính nhất thể đã hình thành. Mặc dù, nhiều hình thức nhất thể hóa trước kia vẫn được giữ lại, nhưng chúng được tích hợp với một giai tầng mới. Có thể gọi giai tầng này là những dấu hiệu mang tính nhất thể hóa. Một số hình thức nhất thể hóa trước kia đã đánh mất hiệu quả cảm xúc của mình, trong khi những hình thức nhất thể hóa mới lại có được hiệu quả ấy.

Nhờ cuộc cách mạng công nghiệp, các hình thức nhất thể hóa văn hóa gia đình đã suy yếu đáng kể. Cụ thể, điều đó thể hiện ở chỗ, sự quan tâm đến người già đã được giải phóng khỏi con cái và được đặt lên vai nhà nước. Những sự ràng buộc dân tộc đã tăng lên, những mối liên hệ địa phương đã suy yếu. Nhưng, cả trong trường hợp này, những hình thức nhất thể hóa thống trị, vẫn được xác định và chủ yếu vẫn được định trước thời điểm ra đời của cá nhân.

Nhất thể hóa văn hóa hiện đại cũng trải qua những biến đổi nhất định. Chuyển sang một xã hội đa dạng hơn, phân hóa hơn, nhiều hình thức nhất thể hóa và nhiều nhóm đa dạng sẽ xuất hiện. Tại tất cả các quốc gia công nghệ phát triển cao, đời sống chính trị ngày càng được cố kết hơn, thị trường tiêu dùng phản ánh những nhu cầu ngày càng đa dạng hơn của nhóm và của cá nhân. Ngày càng có nhiều tiểu văn hóa khước từ những giá trị thống trị của xã hội. Những quá trình hướng nội như vậy cũng có tác động ở bên trong các nhóm xã hội.

Trong xã hội, các nhóm chủng tộc, sắc tộc và tôn giáo được cố kết thành các tiểu nhóm đa dạng hơn. Về thực chất, bản thân khái niệm phản ánh vai trò chính trị của các thiểu số đã thay đổi. Những sự khác biệt trước kia bị coi là không quan trọng nữa, nay đã có ý nghĩa văn hóa và chính trị quan trọng.

Hiện nay, tổ chức của những người già, của cựu chiến binh, của những người tật nguyền, của những người đồng tính, v.v., đã và đang ra đời. Những người này cho rằng, xã hội có quan hệ bất công đối với họ. Các nhóm nhất thể hóa mới xuất hiện, và quá

trình xã hội sôi động này đang diễn ra rất nhanh nhờ các phương tiện truyền thông đại chúng cùng với những ấn phẩm được xã hội hóa của chúng.

Đánh mất mối liên hệ với hoàn cảnh ra đời của mình, cá nhân nhận được khả năng lựa chọn nhiều hơn trong việc tự quyết. Tất nhiên, con người vẫn ra đời với tư cách là thành viên của gia đình và của các nhóm chủng tộc, song cùng với quá trình đổi mới nền văn minh hiện đại trên nhiều phương diện, nhiều người sẽ có được khả năng lớn hơn trong việc lựa chọn tính nhất thể văn hóa một cách phù hợp với cá tính và tính dị phát sinh (ngoại lai) trong cơ cấu xã hội mới. Hiện nay, tốc độ của những cải cách xã hội và văn hóa cũng tăng lên đáng kể, do vậy những hình thức nhất thể hóa được lựa chọn cũng trở nên ngắn hạn hơn. Các hình thức tự đồng nhất hóa mới đan xen với các hình thức cũ, có nguồn gốc sâu xa hơn.

Ý thức dân tộc (hay sắc tộc) đòi hỏi phải nhất thể hóa cá nhân với quá khứ lịch sử của một nhóm sắc tộc xác định và nhấn mạnh tư tưởng về “nguồn gốc”. Cảm quan của một nhóm sắc tộc được xây dựng nhờ những biểu tượng của sắc tộc quá khứ: Các thần thoại, các truyền thuyết, các vật thiêng, những biểu tượng. Tính kế thừa lịch sử văn hóa này trong đời sống sắc tộc rất năng động và thường biến.

Khái niệm “sắc tộc” trước hết phản ánh quan niệm về sự đặc thù văn hóa xã hội của nhóm sắc tộc, cũng như về những dấu hiệu nổi bật về thể chất và tâm lý. Thêm vào đó, ý thức về sự đặc thù, về sự khác biệt so với tha nhân được bản thân đại diện của sắc tộc này tán thành, chứ không phải chỉ được nhận

quan của tha nhân xác nhận. Sắc tộc là một phạm trù so sánh, không có nội dung ở bên ngoài hệ thống quan hệ đa sắc tộc. Ví dụ, khái niệm “sắc tộc Việt” chỉ có một nội dung xã hội cụ thể trong trường hợp xem Việt Nam là một hệ thống thống nhất, còn người Việt là một bộ phận cấu thành của hệ thống ấy.

Xét từ góc độ này, cần phải xem xét mỗi văn hóa sắc tộc một cách không phụ thuộc vào quy mô của nó với tư cách một tiểu văn hóa. Sắc tộc không nhất thiết phải được đặc trưng bởi sự thống nhất về lãnh thổ hay dòng máu. Các nhóm sắc tộc lớn hơn các nhóm huyết thống và các nhóm láng giềng, chúng được phân tán tản mạn hơn. Phải chịu đựng những phong ba của cảnh sống lưu vong, của cảnh bị truy nã, các sắc tộc di cư vẫn giữ lại diện mạo sắc tộc cả khi vắng mặt một lãnh thổ thống nhất.

Các sắc tộc có một hệ thống toàn vẹn những biểu tượng, những ký hiệu khác biệt, cần thiết đối với bản thân các thành viên của nhóm sắc tộc, cũng như đối với tha nhân. Do vậy, các biểu tượng về sự thống nhất lãnh thổ và ngôn ngữ thường quan trọng hơn những biểu tượng hiện thực.

Tính toàn vẹn của cơ cấu sắc tộc, sự hoạt động của cộng đồng sắc tộc quy định sự thống nhất của sắc tộc. Cơ cấu sắc tộc là diễn đàn biểu hiện và thực hiện rõ nét văn hóa sắc tộc và cuộc sống hiện tại. Lao động hàng ngày, quan hệ láng giềng, sinh hoạt tôn giáo tập thể, hoạt động chính trị, hoạt động kinh tế, nghỉ ngơi và giải trí có thể trở thành cơ sở cho sự nhất thể hóa văn hóa ở một chừng mực nhất định.

Những điều nói trên đưa chúng ta đến với vấn đề *nhân cách hóa và nhất thể hóa*

*văn hóa*. Những hình tượng nhân cách hóa những người cụ thể có ảnh hưởng đáng kể đến tính chất của nhất thể hóa văn hóa. Có vô số những hình tượng như vậy. Do vậy, như câu phân loại chúng đã xuất hiện trong khoa học.

Nhà xã hội học người Mỹ H.Abramson đã đưa ra sự phân loại nhân cách hóa với tư cách sự biểu hiện các hình thức nhất thể hóa văn hóa. Sự phân loại của ông có thể được trình bày thông qua các loại hình người sau đây.

*Loại hình “người theo chủ nghĩa truyền thống”*. Đó là những cá nhân tán thành các giá trị của một nền văn hóa cụ thể và được tích hợp vào cơ cấu tương ứng. H.Abramson nhấn mạnh tinh thần cách tân của những người theo chủ nghĩa truyền thống sắc tộc. Họ là đại diện của các thiểu số văn hóa, họ “bù đắp” địa vị xã hội giá lẽ (đứng bên cạnh sự kiện, hiện tượng có liên quan đến số phận, môi trường sinh tồn của bản thân) và bất ổn định của mình bằng những sự khởi xướng sáng tạo. Người Scotlan ở Vương quốc Anh, người Do Thái ở thế giới Thiên Chúa giáo, thương gia Hy Lạp và Armenia ở nước ngoài, người Trung Quốc ở Đông Nam á thường là những người khởi xướng cách tân.

*Loại hình người ngụ cư*. Loại hình này bao gồm những cá nhân tham gia vào hệ thống quan hệ sắc tộc có cơ cấu ổn định, nhưng không có nguồn gốc kế thừa trong văn hóa sắc tộc tương ứng. Văn hóa này không cấu thành tài sản tinh thần nội tại của họ, không được họ “nhập tâm”. Lúc đầu, sự nhất thể hóa của người ngụ cư diễn ra ở bên ngoài cộng đồng văn hóa mà người ngụ cư muốn gia nhập. Người ngụ cư cảm nhận thấy mình

đứng ở ngưỡng cửa của một kinh nghiệm văn hóa hoàn toàn mới. Thực tế đó sinh ra cảm giác không tin tưởng và giá lẽ. Cảm giác này gay gắt hơn so với cảm giác giá lẽ của người theo chủ nghĩa truyền thống, vì người theo chủ nghĩa truyền thống “bù đắp” sự cô độc giữa tha nhân bằng sự hiểu biết lẫn nhau với những người cùng sắc tộc với mình. Tham gia vào cộng đồng xa lạ, người ngụ cư sẽ tham gia trước hay tham gia đồng thời vào những giá trị và những biểu tượng văn hóa của cộng đồng ấy.

*Loại hình người bị trục xuất*. Nó đứng đối lập với người ngụ cư. Đó là việc đánh mất những mối quan hệ xã hội phát sinh với những người cùng sắc tộc với mình mà vẫn giữ lại sắc tộc và những truyền thống văn hóa sắc tộc dưới dạng những biểu tượng. Kinh nghiệm tinh thần của người bị trục xuất trước hết là kinh nghiệm sống biệt lập và cô độc. Các hình thức sinh hoạt của người bị trục xuất thường thể hiện ở các cấp độ khác nhau của hệ thống giai cấp xã hội.

*Loại hình “thái giám”*. Đây là những cá nhân đánh mất ký ức về toàn bộ quá khứ văn hóa, không bị bởi một di sản văn hóa truyền thống nào “đồng hóa” và không phát triển thành một môi trường văn hóa xã hội nào trong sinh hoạt hàng ngày. Trong cuộc sống, loại người này thường được gọi là những “người mất gốc”. “Thái giám” là loại hình đối lập với loại hình theo chủ nghĩa truyền thống. Đây là những người đánh mất tính nhất thể văn hóa quá khứ ở thời đại có những chuyển biến lịch sử quan trọng.

Hiện nay, văn hóa học còn thường xuyên sử dụng một khái niệm nữa với tư cách khái niệm đối lập với tính nhất thể văn hóa bình

thường. Đó là khái niệm “*giá lẽ*”. Danh từ này xuất hiện ở Pháp vào năm 1927. Những người giá lẽ được coi là những người tự mình bác bỏ xã hội hoặc bị xã hội chối bỏ. Tính giá lẽ không phải là trạng thái tự chủ, mà là kết quả xung đột với những chuẩn mực xã hội, là sự biểu thị những quan hệ đặc thù với chế độ xã hội hiện tồn. Tính giá lẽ không xuất hiện ở bên ngoài sự xung đột gay gắt hiện thực hay tưởng tượng với thế giới chung quanh.

Theo nhà xã hội học người Pháp, A.Fargie, việc chạy trốn thành kẻ giá lẽ đòi hỏi phải có hai hành trạng hoàn toàn khác nhau là: Hoặc là cắt đứt mọi quan hệ với truyền thống và tạo dựng một thế giới hoàn toàn khác, của riêng mình; Hoặc là tách biệt dần dần khỏi khuôn khổ của những quy định quan phương.

Dẫu sao, dưới mọi biến thể, do sự lựa chọn tự do hay do quá trình phi đẳng cấp

hóa, những người giá lẽ vẫn không phải là mặt trái của xã hội, mà là vực thẳm của xã hội, là những phương diện đen tối của nó. Xã hội phô trương những kẻ bị ruồng bỏ để tô hồng diện mạo được nó coi là tốt đẹp, bình thường của mình.

Hiện nay, đề cập tới những người giá lẽ, đó không hẳn là những người đứng dưới đáy xã hội. Tính giá lẽ đã trở thành một hiện tượng phổ biến. Nhiều người đứng giữa những tính quy định văn hóa. Trong thế giới, ít người được coi là “bán thuần chủng”. Nhiều người không thể tự nhất thể hóa mình với một nền văn hóa nào đó. Họ đứng giữa văn hóa truyền thống và văn hóa hiện đại, giữa những tín ngưỡng khác nhau, v.v.. Do vậy, việc hoạch định một chính sách hợp lý để làm cho mọi người vừa giữ lại văn hóa truyền thống, vừa đón nhận những thành tựu của văn hóa hiện đại là một vấn đề cần được quan tâm thỏa đáng.